

# KHÁI QUÁT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA PHÁP LUẬT VỀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

NGUYỄN THỊ ĐỊNH \*

(tiếp theo kỳ trước)

## 2. Giai đoạn từ năm 1954 - 1975

Năm 1954, miền Bắc nước ta hoàn toàn được giải phóng, miền Nam vẫn tạm thời nằm dưới ách thống trị của Mỹ và chế độ ngụy quyền Sài Gòn. Đây là thời kỳ đất nước ta phải tiến hành song song hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mỹ ở miền Nam. Tình hình tôn giáo ở hai miền cũng có sự khác nhau.

Ở miền Bắc, Giáo hội các tôn giáo đều tham gia Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, chịu sự quản lý của Nhà nước, có nhiều đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Bên cạnh đó, một số phần tử phản động lợi dụng tôn giáo vẫn tiến hành nhiều hoạt động chống phá nhà nước như ép giáo dân di cư vào Nam, gây lộn xộn ở các vùng giáo, kích động tín đồ chống lại các chủ trương xây dựng hợp tác xã trong nông nghiệp, xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước,...

Ở miền Nam, Mỹ - Ngụy tìm cách nâng đỡ, kích động, chia rẽ các tôn giáo, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nhằm phục vụ cho âm mưu xâm lược, chia cắt đất nước. Tôn giáo thời kỳ này bị các thế lực chính trị lợi dụng làm hậu thuẫn cho cuộc chiến tranh phi nghĩa ở nước ta.

Trong điều kiện đó, Đảng và Nhà nước

vẫn tiếp tục khẳng định quan điểm bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân. Ngày 20 tháng 3 năm 1955, tại kỳ họp thứ tư, Quốc hội khoá I đã đưa ra các nguyên tắc về vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo, đó là:

- Mọi công dân của nước Việt Nam đều được quyền tự do tín ngưỡng, tự do thờ cúng. Các nhà tu hành được quyền tự do giảng đạo trong các cơ quan tôn giáo; sách báo, tài liệu về tôn giáo được xuất bản theo đúng luật lệ của Chính phủ;

- Các nhà tu hành, các tín đồ đều được hưởng mọi quyền lợi và phải làm nghĩa vụ người công dân. Bên cạnh đó cũng có những quy định miễn giảm một số nghĩa vụ cho các nhà tu hành để có điều kiện hoạt động tôn giáo;

- Các nhà chùa, nhà thờ, thánh thất được tôn trọng và bảo vệ;

- Các cơ quan giáo lý, văn hoá, xã hội, các tổ chức công thương nghiệp của tôn giáo được bảo hộ;

- Khi thi hành Luật Cải cách ruộng đất, các tôn giáo có sự chiếu cố;

- Những kẻ mượn danh nghĩa hoặc vin có tôn giáo để phá hoại hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, phá hoại đoàn kết, ngăn cản tín đồ làm nghĩa vụ công dân, xâm phạm đến tự do tín ngưỡng của người khác hoặc làm trái pháp luật sẽ bị trừng trị.

Khi ban hành bản Hiến pháp năm 1959,

\* Vụ Pháp chế - Thanh tra - Ban Tôn giáo Chính phủ

Nhà nước tiếp tục khẳng định việc bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Điều 26 Hiến pháp quy định “Công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào”.

Tháng 9-1960 tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam về nhiệm vụ và đường lối của Đảng đã nhấn mạnh tính hai mặt đó là vừa bảo đảm tự do tôn giáo cho người dân, vừa chống địch lợi dụng tôn giáo ở cả hai miền Nam, Bắc. Nghị quyết đã chỉ rõ: Đối với đồng bào các tôn giáo, chính sách trước sau như một của Đảng và Nhà nước ta là tôn trọng tự do tín ngưỡng, đoàn kết tất cả những người yêu nước và tiến bộ trong các tôn giáo, đoàn kết đồng bào lương và đồng bào các tôn giáo để cùng nhau phục vụ sự nghiệp giải phóng hoàn toàn đất nước, xây dựng hạnh phúc chung.

Quan điểm trên còn được thể chế hoá nhanh chóng bằng nhiều văn bản, chẳng hạn: Sắc lệnh 234/SL, ngày 14-6-1955 về tôn giáo, đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng. Đây là văn bản qui định khá đầy đủ, cụ thể về hoạt động tôn giáo ở giai đoạn này, cụ thể:

- Chính phủ bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng của nhân dân. Không ai được xâm phạm đến quyền tự do ấy. Mọi người Việt Nam đều có quyền tự do theo một tôn giáo hoặc không theo một tôn giáo nào.

- Các nhà tu hành được tự do giảng đạo tại các cơ sở tôn giáo (như: nhà thờ, chùa, thánh thất, trường giáo lý,...).

- Khi truyền bá tôn giáo, các nhà tu hành có nhiệm vụ giáo dục cho các tín đồ lòng yêu nước, nghĩa vụ công dân, ý thức tôn trọng chính quyền nhân dân và pháp luật của Nhà nước.

- Các nhà tu hành và tín đồ đều được hưởng mọi quyền lợi của người công dân và làm nghĩa vụ công dân.

- Các nhà tu hành người ngoại quốc mà Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cho phép, thì được giảng đạo như các nhà tu hành Việt Nam và phải chấp hành pháp luật của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa như các ngoại kiều khác.

- Các tôn giáo được xuất bản, phát hành những kinh bản, sách báo có tính chất tôn giáo, nhưng phải tuân thủ pháp luật của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về xuất bản.

- Các tôn giáo được mở trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo.

- Các nhà thờ, đền, chùa, miếu, thánh thất và các đồ thờ tự, các trường giáo lý của tôn giáo được tôn trọng và bảo hộ, không ai được xâm phạm đến.

- Các tổ chức của các tôn giáo có tính chất kinh tế, văn hóa, xã hội đều được hoạt động sau khi đã xin phép chính quyền và được chính quyền chuẩn y chương trình, điều lệ. Những tổ chức ấy đều coi như những tổ chức của tư nhân và được pháp luật bảo hộ.

- Các tôn giáo được phép mở trường tư thục. Các trường tư thục đó phải dạy theo chương trình giáo dục của Chính phủ. Ngoài giờ dạy theo chương trình giáo dục của Chính phủ, có thể dạy thêm giáo lý cho những học sinh nào muốn học.

Đối với ruộng đất của tôn giáo, Sắc lệnh quy định:

Trong cải cách ruộng đất, khi Chính phủ trưng thu hoặc trưng mua ruộng đất của các tôn giáo để chia cho nông dân thì sẽ để lại cho nhà thờ, nhà chùa, thánh thất một số ruộng đất đủ cho việc thờ cúng và những nhà tu hành có đủ điều kiện sinh sống để làm việc tôn giáo. Số ruộng đất ấy là bao nhiêu sẽ do nông dân địa phương (nơi có nhà chùa, nhà thờ, thánh thất) bình nghị và do chính quyền cấp tỉnh chuẩn y.

Về quan hệ giữa chính quyền với các tôn giáo, sắc lệnh cũng khẳng định “Chính quyền không can thiệp vào nội bộ các tôn

giáo. Riêng vấn đề Công giáo, quan hệ về tôn giáo giữa Giáo hội Công giáo Việt Nam với Tòa thánh La Mã là vấn đề nội bộ của tôn giáo, chính quyền không can thiệp đến” và “Việc tự do tín ngưỡng, tự do thờ cúng là một quyền lợi của nhân dân, chính quyền dân chủ cộng hòa luôn luôn tôn trọng”.

Đáng chú ý là những ngày cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Pháp, từ Nam chí Bắc, nhiều khu uỷ, uỷ ban hành chính kháng chiến của liên khu... cũng đã có nhiều Nghị quyết, Chỉ thị, như Nghị quyết của Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ngày 26-3-1955 về vấn đề tôn giáo; Chỉ thị số 18/CT-NK4, ngày 17-9-1954 của Liên khu 4 về việc thi hành Chỉ thị số 91/CT của Trung ương, trong đó quy định: Đối với giáo dân nói chung cần luôn luôn chú ý chăm sóc tới đời sống của họ... Đối với tín ngưỡng của giáo dân cần phải thực sự đảm bảo, cần tạo điều kiện để cho giáo dân tự do đi lại lễ lạy. Những ngày lễ lớn nên giúp giáo dân tổ chức long trọng. Nơi không có cha cố nên vận động một số cha cố để thỉnh giảng đến làm lễ cho giáo dân. Nên giúp cho giáo dân tự sửa chữa những chỗ hư hỏng của nhà thờ... Đối với những nhà thờ và tài sản của nhà thờ ở những nơi giáo dân bỏ đi, cần tổ chức bảo vệ thật chu đáo; Sắc luật số 101/SL/L.003, ngày 20-10-1957 về thể lệ bảo tồn cổ di tích; Thông tư số 12/TTg, ngày 12-01-1975 về một số điểm trong chính sách cụ thể khi tiến hành sửa chữa sai lầm về cải cách ruộng đất; Thông tư số 593/TT, ngày 10-3-1957 hướng dẫn về chủ trương đối với các trường, lớp tôn giáo; Thông tư số 51/TT-DC, ngày 31-5-1958 hướng dẫn thi hành các luật và Nghị định về lập hội và hội họp đối với tôn giáo; Chỉ thị số 88/CT-TTg, ngày 26-4-1973 về việc chấp hành chính sách đối với việc bảo vệ các chùa thờ Phật và đối với tăng, ni....

Đối với đất đai trong cải cách ruộng đất khi Nhà nước trưng thu, trưng mua của tôn giáo sẽ để lại cho nhà thờ, nhà chùa, thánh thất một số diện tích bảo đảm cho việc thờ cúng và sinh sống của những nhà tu hành.

Ruộng đất mà giám mục, linh mục, nhà sư, mục sư phát canh, thu tô như địa chủ thì đều do Nhà nước quản lý và không bồi hoàn tiền. Về việc sai lầm trong cải cách ruộng đất, Thông tư số 12/TTg nêu trên quy định: “Đối với nhà Chung, đền chùa, sau khi trưng thu, trưng mua nếu ta đã để lại ruộng đất quá ít, hay đã trưng thu làm cả đồ lễ.... thì nay phải sửa lại theo chỉ thị về việc sửa chữa sai lầm đối với tôn giáo. Còn việc trả lại số tô thuế quá mức thì không đặt ra”.

Thông tư số 12-TTg cũng quy định pháp luật trừng trị những người mượn danh tôn giáo để phá hoại hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, tuyên truyền chiến tranh, phá hoại đoàn kết, ngăn trở tín đồ làm nghĩa vụ công dân... Cũng về vấn đề này, Nhà nước đã ban hành Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng (1967), trong đó Điều 12 quy định: “Kẻ nào vì mục đích phản cách mạng mà tuyên truyền, tổ chức hoặc có những hành động khác nhằm phá hoại chính sách tôn giáo, gây chia rẽ giữa các tôn giáo với người không theo tôn giáo, chia rẽ giữa các tín đồ tôn giáo với chính quyền; lợi dụng tín ngưỡng xâm phạm đến quyền tự do dân chủ của tín đồ, cản trở họ làm nghĩa vụ công dân hoặc tham gia các đoàn thể nhân dân, các hợp tác xã, các tổ chức quân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội thì bị phạt tù từ 5 năm đến 15 năm”.

Ngoài các văn bản trên điều chỉnh các hoạt động liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo còn có các văn bản pháp quy khác cũng có các điều luật quy định về lĩnh vực này như: Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội (năm 1960); Luật Nghĩa vụ quân sự (năm 1960); Luật Tổ chức tòa án nhân dân (năm 1960); Sắc luật số 003-SL, ngày 18-6-1957 về quyền tự do xuất bản, qui định về việc xuất bản những kinh bốn, sách báo có tính cách tôn giáo; Sắc luật số 004-SL, ngày 20-7-1957 của Chủ tịch nước về bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp; Sắc lệnh số 102/SL, ngày 20/5/1957 của Chủ tịch nước

*(xem tiếp trang 17)*